

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ MỸ HÀO  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-ST

Ngày 22/9/2021

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Tuấn Trọng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Xuân Hùng và ông Nguyễn Xuân Khải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Luật - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào:** Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2020/TLST-HC ngày 20/7/2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2021/QĐXXST-HC ngày 23/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HC ngày 07/9/2021 giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Đ V R, sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ dân phố V Nh, phường B Y N, thị xã M H, tỉnh H Y; Do ông N Đ Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Cụm A, phường Kh Đ, quận Th X, thành phố H N, đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2021. Ông R có mặt, ông Th có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B Y N, thị xã M H, tỉnh H Y. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường B Y N; Do bà L Th H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban

nhân dân phường B Y N là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

2. Ông Ng Ph T; Chức vụ: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy phường B Y N, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B Y N. Vắng mặt.

3. Ông Đ H N; Chức danh: Cán bộ Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân phường B Y N. Có mặt.

4. Ông Đ V H; Chức danh: Cán bộ Địa chính thuộc Ủy ban nhân dân phường B Y N. Vắng mặt.

5. Bà V Th D(vợ của ông R), sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ dân phố V Nh, phường B Y N, thị xã M H, tỉnh H Y; Do ông N Đ Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Cụm 1, phường Kh Đ, quận Th X, thành phố H N, đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2021. Bà D có mặt, ông Th có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Anh B Th H, sinh năm 1983 và chị Đ Th H, sinh năm 1981; Đều có địa chỉ: Thôn A N, xã Đ C, huyện P C, tỉnh H Y. A H1 và chị H2 đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Anh N V N1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xóm A, thôn Tr Đ, xã Tr H, huyện Y M, tỉnh H Y. Anh N2 đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Anh Tr V P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố A Th, phường Nh H, thị xã M H, tỉnh H Y. Anh Ph1 đề nghị xét xử vắng mặt.

9. Chị Ng Th Ch; Địa chỉ: Thôn Y V, xã D Tr, huyện Kh Ch, tỉnh H Y. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện, biên bản làm việc ngày 08/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Đ V R trình bày:*

Gia đình ông Đ V R được chia đất nông nghiệp với diện tích 387m<sup>2</sup> tại cánh đồng M B thuộc thôn V Nh (nay là đường V V C), phường B Y N, thị xã M H, tỉnh H Y. Năm 2000, nhà nước mở đường trước cổng Bệnh viện Đa khoa PN(nay là đường V V C) đã thu hồi của gia đình ông 227m<sup>2</sup>, còn lại 160m<sup>2</sup>. Do ruộng bị lấp, không còn nước để canh tác, nên gia đình ông đã xây dựng không phép lán để bán hàng, sau cho một số cá nhân thuê để họ kinh doanh phế liệu.

Ngày 25/12/2019, ông nhận được Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND phường B Y N áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình ông (sau đây gọi tắt là Quyết định số 109) và Giấy mời của UBND phường B Y N mời ông đến trụ sở để giải quyết việc vi phạm hành lang giao thông của gia đình ở khu vực trước cổng Bệnh viện Đa khoa P N, nhưng ông không chấp hành Quyết định 109 vì cho rằng quyết định này không đúng.

Ngày 27/12/2019, UBND phường B Y N tổ chức tháo dỡ toàn bộ công trình là lán của gia đình ông xây dựng cạnh đường V V C, do không nhận được thông báo về việc này, nên gia đình ông không biết, không chứng kiến sự việc tháo dỡ tài sản của UBND phường.

Ông R cho rằng Quyết định số 109 ban hành không đúng trình tự quy định của pháp luật, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND phường B Y N. Ông không yêu cầu giải quyết về bồi thường thiệt hại trong vụ án này, mà khởi kiện bằng vụ án khác.

*Bị đơn là Chủ tịch UBND phường B Y N trình bày:* Khoảng năm 2018, vợ chồng ông Đ V R và bà V Th D tự ý dựng lán trên hành lang đường gom (nay là đường V V C). Mặc dù chính quyền địa phương đã nhiều lần tuyên truyền, vận động gia đình tự tháo dỡ, nhưng ông R, Bà D vẫn cố tình không chấp hành, mà còn cho thuê làm nơi thu mua phế liệu, gây mất vệ sinh môi trường, ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị và an toàn giao thông. Căn cứ Kế hoạch số 93<sup>a</sup>/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh H Y về Giải tỏa các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp; vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi và hoạt động bên bãi, khai thác cát trái phép năm 2017 và Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 26/4/2017 của UBND huyện M H về Giải tỏa các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp; vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi và hoạt động bên bãi, khai thác cát trái phép năm 2017, thì công trình xây dựng nói trên của vợ chồng ông R thuộc phạm vi phải giải tỏa, trả lại mặt bằng cho hành lang an toàn giao thông bị lấn, chiếm trái phép. UBND phường đã đề xuất và được sự đồng ý của UBND thị xã M H, chi nhánh điện lực thị xã M H tiến hành cắt nguồn điện vào khu vực lán này. Sau một thời gian, lán không có ai sử dụng, toàn bộ kết cấu xuống cấp nghiêm trọng.

Cuối năm 2019, UBND thị xã M H triển khai thi công hệ thống cống thoát nước tại vị trí mà gia đình ông R dựng lán trái phép. Theo chỉ đạo của UBND thị xã M H thì Chủ tịch UBND phường B Y N phải giải phóng mặt bằng trước ngày 01/01/2020.

Để có căn cứ thực hiện việc giải tỏa, UBND phường B Y N ban hành Quyết định số 109 và cử cán bộ gửi tận tay cho gia đình ông R. Thời hạn để gia đình ông R tự tháo dỡ tài sản là 03 ngày. Tuy nhiên, gần hết thời hạn, qua kiểm tra thực tế thì thấy gia đình ông R vẫn không tự giác chấp hành, nên UBND phường đã gửi giấy mời ông R đến trụ sở làm việc 02 lần, vào buổi sáng và buổi chiều ngày 25/12/2019, nhưng cả hai lần ông R đều cố tình không có mặt.

Ngày 27/12/2019, UBND phường tổ chức tháo dỡ công trình vi phạm của gia đình ông R, việc tháo dỡ được thực hiện đúng theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Cho nên, Chủ tịch UBND phường B Y N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông R.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường B Y N trình bày:*  
 Đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Đ V R ở cánh đồng M B là thửa số 329/5, tờ bản đồ số 4, diện tích 387m<sup>2</sup>. Theo Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 20/12/2001 của UBND tỉnh H Y phê duyệt phương án đền bù thiệt hại đất đai do nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để làm đường trục trung tâm đô thị PN và công văn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H Y, đất nông nghiệp của gia đình ông R được lập phương án thu hồi và bồi thường là 391m<sup>2</sup> theo hiện trạng sử dụng. Như vậy, nhà nước đã thu hồi toàn bộ đất nông nghiệp của hộ gia đình ông R ở cánh đồng M B để làm đường trục trung tâm đô thị PN năm 2001. Cho nên, thời điểm UBND phường B Y N ban hành Quyết định số 109 thì hộ gia đình ông R không còn đất nông nghiệp ở cánh đồng này.

Ngày 17/8/2018, UBND phường B Y N lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông R về hành vi xây dựng công trình trên hành lang an toàn giao thông. Tại biên bản có chữ ký của người chứng kiến là ông Tr X D là Trưởng thôn V Nh, ông R không có mặt nên không có chữ ký; biên bản chỉ được lập 01 bản và không giao cho ông R. Ngoài biên bản này, UBND phường B Y N không lập biên bản vi phạm nào khác về việc xây dựng công trình trên hành lang giao thông đường V V C đối với ông Đ V R.

Tại Quyết định số 109, do sơ xuất đánh máy, nên ghi thiếu căn cứ là Biên bản vi phạm hành chính ngày 17/8/2018 cũng như thể hiện chủ thể ban hành quyết định là UBND phường B Y N. Lý do UBND phường B Y N không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm của ông R là hết thời hiệu.

Ngay sau khi ban hành Quyết định số 109, UBND phường B Y N đã giao quyết định này cho ông Tr X D và ông D1 đã giao ngay quyết định cho ông Đ Th H là phó Trưởng thôn V Nh để giao cho ông R.

UBND phường B Y N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông R.

*Tại phiên tòa:*

+ Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy toàn bộ Quyết định số 109 của UBND phường B Y N.

+ Người bị kiện thay đổi quan điểm, cho rằng ông R có hành vi vi phạm xây dựng công trình trên đất nông nghiệp, còn đất nông nghiệp của ai thì địa phương chưa xác định được. Đồng thời, thừa nhận Quyết định số 109 có sai sót về thẩm quyền ban hành và thời gian thực hiện quyết định. Nhất trí hủy một phần Quyết định số 109 về nội dung thời hạn ra quyết định.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ; tổ chức đối thoại

theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tiến hành các hoạt động tố tụng đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R, hủy toàn bộ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân phường B Y N áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình ông Đ V R; người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Về đối tượng khởi kiện: Ông Đ V R khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND phường B Y N áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình ông (sau đây gọi tắt là Quyết định số 109), căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính, đối tượng khởi kiện của vụ án là Quyết định số 109 nêu trên.

- Về quan hệ pháp luật: Quyết định số 109 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do ông R có hành vi vi phạm là xây dựng công trình kiên cố trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính”.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 23/12/2019, UBND phường B Y N ban hành Quyết định số 109, đến ngày 25/12/2019, ông R nhận được quyết định này. Ngày 05/01/2020, ông R khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính là còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về xác định tư cách người bị kiện: Theo quy định của khoản 9 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính thì người bị kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyết định hành chính bị khởi kiện, đồng thời căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND phường B Y N. Tại Biên bản làm việc ngày 08/6/2020, ông R xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND phường B Y N là chính xác, được chấp nhận.

- Về xác định tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quyết định số 109 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình ông Đ V R, căn cứ vào sổ hộ khẩu số 109, tại thời điểm ban hành Quyết định số 109, hộ gia đình ông R có ông R và vợ là bà D, còn con gái là chị Đ Th T đã tách hộ từ ngày 07/6/2018. Nay ông R khởi kiện vụ án hành chính, nên xác định ông Đ

V R là người khởi kiện và bà V Th D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu khởi kiện:**

Ông Đ V R khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND phường B Y N áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình ông. Xét yêu cầu khởi kiện của ông R, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**[2.1]. Về thẩm quyền ban hành:**

Tại Điều 1 của Quyết định số 109, UBND phường B Y N xác định hành vi vi phạm của ông R được quy định tại điểm a khoản 8 Điều 12 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sau đây gọi tắt là Nghị định số 46), có mức phạt tiền từ 15.000.000 đồng - 20.000.000 đồng đối với cá nhân. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 71 Nghị định số 46 thì Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 71 Nghị định số 46 thì Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Cho nên, thẩm quyền xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính, trong đó có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quy định tại điểm a khoản 8 Điều 12 Nghị định số 46 là của Chủ tịch UBND cấp huyện. UBND phường B Y N không có thẩm quyền ban hành Quyết định số 109 để xử lý vi phạm của ông R.

Ngoài ra, căn cứ quy định của điểm d khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính và quy định của Điều 71 Nghị định số 46 thì Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ công trình vi phạm thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, Quyết định số 109, trong phần căn cứ ban hành thể hiện “Ủy ban nhân dân phường B Y N căn cứ..” và tại mục chữ ký, con dấu thể hiện Chủ tịch ký “*thay mặt UBND phường*”. Cho nên, UBND phường B Y N ban hành Quyết định số 109 cũng là không đúng. Tại Công văn số 26/CV-UBND ngày 07/8/2020 (BL 39), Chủ tịch UBND phường B Y N đã thừa nhận nội dung vi phạm này. Nhưng người bị kiện giải thích lý do “có thể là lỗi đánh máy” là không có cơ sở, không được chấp nhận.

**[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành:**

Tại Quyết định số 109, UBND phường B Y N xác định ông R có hành vi vi phạm hành chính là xây dựng công trình kiên cố trái phép trong phạm vi đất hành

lang đường V V C, đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 8 Điều 12 Nghị định số 46. Căn cứ quy định của Điều 56 và 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính, khi phát hiện vi phạm của ông R thì người có thẩm quyền phải lập biên bản vi phạm hành chính. Đồng thời, theo quy định tại tiểu mục 3.2, mục 3, Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện M Về giải tỏa hành lang bảo vệ giao thông, vỉa hè, lập lại trật tự đô thị trên địa bàn huyện cuối năm 2018 (do người bị kiện giao nộp cho Tòa án) thì: *“Đối với công trình vi phạm có tính chất kiên cố như nhà ở, công trình xây dựng kiên cố không tự tháo dỡ: Giao UBND các xã, thị trấn chủ trì phối hợp các ngành có liên quan của huyện hoàn thiện hồ sơ pháp lý để tổ chức cưỡng chế vi phạm theo quy định của Luật vi phạm hành chính, Luật xây dựng và các quy định khác có liên quan, hồ sơ gồm: Biên bản vi phạm hành chính...”*. Như vậy, theo các quy định đã viện dẫn ở trên thì người có thẩm quyền phải lập biên bản đối với hành vi xây dựng công trình kiên cố trái phép của ông R.

Người bị kiện cung cấp cho Tòa án biên bản vi phạm hành chính ngày 17/8/2018 (BL 83) để chứng minh UBND phường có lập biên bản đối với hành vi vi phạm của ông R thì thấy: Biên bản này được lập ngày 17/8/2018, tại mục người vi phạm không có chữ ký của ông R với lý do *“người vi phạm không có mặt tại hiện trường mặc dù đã được mời”*, mục người chứng kiến có chữ ký ghi họ tên Tr X D, mục cơ quan lập biên bản thể hiện là *“Ủy ban nhân dân phường B Y N”*. Ông Tr X D thừa nhận chữ ký trong biên bản, nhưng không nhớ biên bản được lập ở đâu (BL 146). Tuy nhiên, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 656/NQ-UBTVQH14 ngày 13/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã M H thuộc tỉnh H Y và 07 phường thuộc thị xã M H, kể từ ngày nghị quyết có hiệu lực thi hành là ngày 01/5/2019 thì thị trấn B Y N mới được đổi tên thành phường B Y N, nên ngày 17/8/2018 cơ quan lập biên bản không thể là UBND phường B Y N được, hay nói cách khác biên bản vi phạm hành chính ngày 17/8/2018 là không có thật, người bị kiện cung cấp để hợp thức quy trình xử lý vi phạm. Tại Biên bản làm việc ngày 08/10/2020, UBND phường B Y N thừa nhận ngoài biên bản vi phạm hành chính ngày 17/8/2018, UBND phường không còn lập biên bản vi phạm hành chính nào khác về việc xây dựng công trình trên hành lang giao thông đường V V C đối với hộ gia đình ông R. Do UBND phường B Y N không lập biên bản vi phạm đối với ông R, nên phần căn cứ ban hành Quyết định số 109 đã viện dẫn *“căn cứ hiện trạng xây dựng của gia đình ông Đ V R”*, là không tuân thủ trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

[2.3] Về thời gian thực hiện quyết định hành chính:

Quyết định số 109 được ban hành ngày 23/12/2019, theo Điều 2 của quyết định thì thời gian để ông R tháo công trình vi phạm là đến hết ngày 25/12/2019, hết

thời hạn này mà ông R không tự tháo thì bị cưỡng chế tháo dỡ. Tại Biên bản làm việc ngày 08/10/2020, UBND phường B Y N cung cấp “*Ngay sau khi ban hành Quyết định 109, UBND thị trấn B Y N đã giao cho ông Tr X D (thời điểm đó là Trưởng thôn V Nh). Qua xác minh được biết, ông D1 đã giao ngay quyết định 109 cho ông Đ Th H là phó thôn V Nh và yêu cầu ông H giao cho ông R. Ngay sau đó ông H đã giao tận tay cho ông R, tuy nhiên ông H không lập biên bản*”. Tại lời khai ngày 03/12/2020, ông Tr X D trình bày “*Việc UBND phường B Y N ban hành quyết định số 109, sau đó có giao cho tôi để tôi giao cho ông R hay không thì tôi không nhớ*”. Nhưng tại lời khai ngày 17/11/2020, anh Đ Th H trình bày “*Tôi có thời gian làm phó trưởng thôn V Nh, tuy nhiên đến tháng 10 năm 2019 thì tôi không làm phó trưởng thôn V Nh nữa. Tôi không được ông Tr X D giao chuyển Quyết định số 109 cho ông R*”. Cho nên, phải xác định không có việc UBND phường B Y N giao ngay, giao hợp lệ Quyết định số 109 để ông R thực hiện.

Tại lời khai ngày 08/4/2021, ông R trình bày “*Trong khoảng thời gian UBND phường B Y N ban hành quyết định số 109, tôi và vợ tôi đều không có nhà, lý do là chúng tôi về quê tại xã Q L, huyện Á Th để giải quyết công việc gia đình. Đến ngày 25/12/2019, tôi từ quê ở Á Th về nhà thì được người nhà đưa lại cho tôi quyết định số 109 và giấy mời của UBND phường B Y N mời tôi đến trụ sở để giải quyết công việc*”. Do người bị kiện không chứng minh được thời gian giao quyết định số 109 cho ông R, nên căn cứ vào lời khai của ông R thì phải xác định người khởi kiện nhận được quyết định hành chính vào ngày 25/12/2019.

Thời hạn để ông R tháo dỡ công trình vi phạm là 03 ngày, tính từ ngày ban hành quyết định, nhưng UBND phường B Y N đã chậm trễ, chưa thực hiện đúng thủ tục giao nhận hợp lệ quyết định hành chính cho ông R. Ông R nhận được Quyết định số 109 vào ngày cuối cùng của thời hạn tháo dỡ, đồng thời cũng trong ngày 25/12/2019, ông R còn nhận được giấy mời đến trụ sở UBND phường để làm việc vào 08h và 14h, nên ông R không có đủ thời gian để thi hành Quyết định số 109.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính thì “*Thời hạn thi hành quyết định là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt, trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó*”. Nên, UBND phường B Y N quyết định thời hạn để ông R thực hiện Quyết định số 109 là 03 ngày tính từ ngày ban hành quyết định là không



đúng quy định của pháp luật. Vi phạm này đã được người bị kiện thừa nhận tại phiên tòa.

[2.4] Về trình tự thực hiện Quyết định số 109:

Tại Điều 2 của Quyết định số 109 quy định “*Ông Đ V R có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm tại hành lang đường V V C, phường B Y N, thị xã M H, tỉnh H Y. Thời hạn tự tháo dỡ, đến hết ngày 25/12/2019. Nếu hết thời hạn trên, gia đình ông Đ V R không tự tháo dỡ, UBND phường sẽ tổ chức tháo dỡ, mọi phí tổn gia đình ông R phải chịu hoàn toàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Tuy nhiên, ông R không tự nguyện thi hành Quyết định số 109, nên ngày 27/12/2019, UBND phường B Y N tổ chức tháo dỡ công trình xây dựng của gia đình ông R. Căn cứ quy định tại Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, Điều 33 và khoản 1 Điều 34 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, UBND phường B Y N chỉ căn cứ vào Quyết định số 109 để tổ chức tháo dỡ công trình xây dựng của gia đình ông R, mà không ban hành quyết định cưỡng chế là chưa đủ căn cứ pháp lý, vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, người bị kiện còn cho rằng UBND phường B Y N tháo dỡ công trình xây dựng của ông R là thực hiện theo chỉ đạo tại Kế hoạch số 93a/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh H Y và Kế hoạch số 55 của UBND huyện M H thì thấy, tại các Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 26/4/2017 cũng như Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện M H về giải tỏa hành lang bảo vệ giao thông đều giao trách nhiệm cho UBND các xã, thị trấn phải xác định được vi phạm của các hộ dân để làm căn cứ tổ chức cưỡng chế, tháo dỡ công trình vi phạm, đồng thời phải thông báo trước thời gian cưỡng chế. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND phường B Y N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông R xây dựng công trình vi phạm hành lang giao thông, cũng như chứng minh ông R đã được thông báo về thời gian cưỡng chế, nên cũng chưa đủ căn cứ xác định công trình xây dựng của gia đình ông R thuộc đối tượng bị tháo dỡ theo các kế hoạch nêu trên của UBND huyện M H.

[2.5] Về nội dung của quyết định số 109:

Tại Điều 1 của Quyết định số 109 đã xác định ông Đ V R có hành vi vi phạm “*xây dựng công trình kiên cố trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ (đất hành lang giao thông) quy định tại điểm a khoản 8 Điều 12 Nghị định số*

46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt”. Vị trí công trình xây dựng bị tháo dỡ được xác định nằm cạnh đường V V C, thuộc khu vực trước cổng Bệnh viện Đa khoa P N. Theo Công văn số 664/UBND-QLĐT ngày 14/8/2020 của UBND thị xã M H và cung cấp của Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thị xã M H tại Biên bản làm việc ngày 27/01/2021 thì đất dành cho quy hoạch đường V V C (hành lang an toàn đường V V C) là 21m tính từ tim đường quy hoạch.

Trước khi ban hành Quyết định số 109, UBND phường B Y N không lập biên bản vi phạm hành chính. Tại biên bản tháo dỡ công trình vi phạm hành lang an toàn giao thông ngày 27/12/2019 cũng chỉ thể hiện “*Hiện trạng công trình trước khi được tháo dỡ là lán bán hàng dài 12m, rộng 06m, xây tường gạch kiên cố, lợp mái blô xi măng xây trên hành lang đường V V C*”, mà không mô tả rõ phạm vi hành lang an toàn của đường V V C đến đâu, công trình xây dựng của gia đình ông R cách tim đường bao nhiêu m, để từ đó xác định công trình xây dựng của gia đình ông R có thuộc hành lang an toàn của đường V V C hay không. Ngày 30/3/2021, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định hành lang an toàn của đường V V C, cũng như vị trí các tài sản của ông R bị tháo dỡ trên thực địa, nhưng người bị kiện cũng không xác định được phạm vi hành lang an toàn của đường V V C đến đâu, trong khi đó dấu vết của công trình bị tháo dỡ không còn do mặt bằng đã bị san lấp. Theo quy định của khoản 3 Điều 57 Luật Tố tụng hành chính thì người bị kiện có nghĩa vụ chứng minh tính đúng đắn, hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện. Chủ tịch UBND phường B Y N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm của ông R. Tại phiên tòa, người bị kiện thay đổi ý kiến, cho rằng công trình xây dựng của gia đình ông R nằm trên đất nông nghiệp, còn đất nông nghiệp của ai thì địa phương chưa xác định được. Như vậy, nội dung của Quyết định số 109 xác định hành vi vi phạm và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ công trình xây dựng của gia đình ông R là chưa đủ căn cứ.

#### [2.6] Về thể thức văn bản:

Trong phần căn cứ ban hành Quyết định số 109, UBND phường B Y N viện dẫn Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý và

sử dụng nhà và công sở là không chính xác, mà phải viện dẫn Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, là văn bản quy phạm pháp luật được UBND phường B Y N viện dẫn tại Điều 1 của Quyết định số 109 để xác định hành vi vi phạm của ông R.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy UBND phường B Y N không có thẩm quyền ban hành Quyết định số 109, không chứng minh được hành vi vi phạm của ông R, đồng thời vi phạm quy định của pháp luật về trình tự ban hành, thể thức văn bản. Sau khi ban hành quyết định thì UBND phường B Y N cũng chưa thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của mình, chậm trễ trong việc giao quyết định này cho ông R; việc tổ chức thực hiện Quyết định số 109 vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông R. Do đó, yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 109 của người khởi kiện là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của ông R được chấp nhận, nên người khởi kiện không phải chịu án phí, còn người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Căn cứ:**

- Khoản 1, khoản 2, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 60, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính;

- Khoản 1 Điều 6, Điều 28, Điều 30, điểm d khoản 1 Điều 38, Điều 56, 58, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Điểm a khoản 8 Điều 12, Điều 71 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

- Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, Điều 33 và khoản 1 Điều 34 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ V R; Hủy toàn bộ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân phường B Y N áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với gia đình ông Đ V R;

3. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B Y N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hành chính sơ thẩm; Trả lại ông Đ V R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004270 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M H.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã M H;
- Chi cục THADS thị xã M H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tuấn Trọng**